

## CHƯƠNG II

# VIỆT NAM VĂN HÓA CHI ĐẠO

*DỰ THẢO*

*CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VIỆT TRIẾT*

*Ta về ta tắm ao ta  
Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn*

## 1. VONG THÂN VÀ QUÊ HƯƠNG

Chúng ta từng kiêu hãnh về một nền văn hóa Việt. Thế nhưng, khi được hỏi đến, hoặc khi được yêu cầu trình bày văn hóa của mình cho người ngoại quốc, chúng ta thường lúng ta lúng túng, không thể trả lời; hay nếu có thể, thì cũng chỉ một cách hàm hồ. Phải thực tâm mà xét, chúng ta mới cảm nghiệm, chứ chưa hoàn toàn ý thức, đừng nói là có một nền kiến thức sâu rộng về chính nền văn hóa của mình. Sự nghèo nàn về văn hóa hiển hiện ra khi chúng ta giao tiếp với các nền văn hóa khác: ngoài ngôn ngữ, bộ áo dài ‘Lemur’ (!), chiếc nón Huế, bát bún bò Huế, đĩa chả Sài Gòn, tô phở Hà Nội, hũ nước mắm Phú Quốc, chúng ta còn có chi để ”mang trống đi đấm nước người?”

Cái bản cùng bi đát khố rách áo ôm về tư tưởng càng hiển nhiên hơn trong lãnh vực triết lý. Cho đến nay, ngay chính các nhà ‘trí thức’ nước nhà cũng không giám công nhận có một nền Việt triết, đừng nói đến một nền triết lý có tầm mức quốc tế. Trên lãnh vực quốc tế, họ khiêm nhượng coi văn hóa Việt chỉ là sự nhai lại những luồng tư tưởng của Hoa Ấn,<sup>1</sup> mặc dù trong những câu chuyện

---

<sup>1</sup> Ngay cả Trần Trọng Kim, một học giả đáng kính, cũng còn cho rằng Việt nho chẳng có gì hơn là sự lập lại nền nho học của Tàu: “Vậy thì nói Nho giáo ở nước Tàu, tức là nói chung cả cái toàn thể, vì rằng Nho

thường nhật, họ luôn kiêu hãnh về thiên tài ngoại ngữ, nói tiếng Tây “như Tây,” nói tiếng Mỹ “hay hơn Mỹ,” và nói tiếng Nga, “ngay cả mấy thằng Nga cũng khiếp!” của họ.<sup>2</sup>

---

giáo ở nước Tàu biến thiên ra làm sao, thì các nước kia cũng đều chịu ảnh hưởng như vậy, chứ không thấy đâu có phát minh ra được cái học thuyết nào khác nữa.” *Nho Giáo*, (Sài Gòn: Tân Việt, Niên ký không rõ), Hạ tập, Thiên X, Nho Giáo ở Việt Nam, tr. 372. Học giả Nguyễn Đăng Thục còn khiêm tốn hơn, khi tự coi mình như là đồ đệ của Hồ Thích, mặc dù chỉ gặp họ Hồ hai lần tại Hạ Uy Di và Đài Bắc. Họ Nguyễn viết: “Với tất cả tấm lòng biết ơn của một thanh niên trí thức Việt-nam cùng cảnh ngộ “Chân trời lặn đạn,” tôi nguyện theo đuổi lời dạy... của tiên sinh.” Lời Giới thiệu, trong Hồ Thích, *Trung Quốc Triết Học Sử*, Huỳnh Minh Đức dịch (Sài Gòn: Khai Trí, 1970).

<sup>2</sup> Chúng ta thường không để ý tới câu phương ngôn “Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh,” nên hay phán đoán sai lầm cho rằng “càng đồ nhiều bằng cấp càng tài; càng biết nhiều ngôn ngữ càng giỏi.” Cái nào trạng lệch lạc này khiến cha ông chúng ta khuyên con cái đi học mục đích để lấy bằng cao, và để biết nhiều thứ tiếng. Chúng tôi từng được nghe người ta ca tụng linh mục này rất giỏi, thượng tọa kia rất tài vì các ông có tới ba hay bốn bằng tiến sỹ, hoặc thông thạo rất nhiều ngôn ngữ! Nhưng quá lạ thay, không thấy ai hỏi đến quý vị có sáng tác gì, phát minh gì, hay công lao chi đáng giá để đời. Chúng tôi cũng từng có ‘vinh dự’ được đọc bản dịch *Vượt Qua Ngưỡng Cửa của Hy Vọng* (Dân Chúa xuất bản) của Giáo Chủ Gioan-Phaolô II do một linh mục tiến sỹ, thông thạo rất nhiều thứ tiếng và cư ngụ tại Đức phiên dịch. Trong lời nói đầu, dịch giả tuyên bố là ông dựa theo các bản Ý, Đức, Pháp, Anh ngữ, vân vân (chỉ thiếu tiếng Ba Lan!) để chuyển sang Việt ngữ. Chỉ cần đọc vài đoạn, độc giả nhận ra ngay là bản dịch đầy những sai lầm căn bản như chưa thấu triệt nội dung, hiểu sai về ngôn ngữ, đừng nói đến cách dùng chữ nghĩa đôi khi rất cãi lương, và thường thì tối tăm khó hiểu. Lối dịch “bác ngữ” của ông gây ra nhiều hiểu lầm tai hại. Chúng tôi đoán, nhiều người có lẽ dựa vào bản dịch này nên đã hiểu lầm ý của Giáo chủ Gioan-Phaolô II, trong đoạn ngài nói về Phật giáo. Thiết nghĩ, nếu dịch giả chỉ cần đọc bản Ý ngữ cho đến nơi đến

Sự tự cao tự đại ”cống hỉ méc xì ta biết cả” cũng như tự ti mặc cảm “ông nghề ông cống cũng nằm co”<sup>3</sup> này phản ảnh một sự thực: chúng ta thiếu ý thức, hay vô ý thức về chính mình. Với một não trạng mâu thuẫn như thế, chúng ta có thể hiểu được tình trạng voi đẽ ra chuột trong Việt triết. Thử hỏi, nếu thiếu tự thức, nếu không có một nền triết lý chủ đạo, chúng ta có thể tự vỗ ngực giáng hát vang lên: ”Việt Nam trên đường tương lai, lửa thiêng soi toàn thế giới”<sup>4</sup> hay không? Một khi chúng ta thiếu khả năng không trình bày nổi tinh thần, hồn túy, ngọn gốc, cốt lõi của mình, hỏi rằng chúng ta còn có thể tự cao tự đại nữa không? Hay là chúng ta phải chấp nhận thảm kịch:

“Bốn ngàn năm, ta vẫn là ta!

Từ trong hang đá chui ra.

chốn (ông từng du học, và đậu bằng tiến sỹ tại Ý), có lẽ ông có thể dịch đúng và hay hơn nhiều. Cái lối đao to búa lớn này cũng thấy trong các bài viết về ngôn ngữ Việt của Bình Nguyên Lộc. Nhà văn bình dân này giám biên một bộ từ điển Việt ngữ so sánh với quăng 18 ngôn ngữ khác, bao gồm tiếng Anh và tiếng Mỹ (!), tiếng Mã Lai, tiếng Nam Dương (!). (Lời giới thiệu quảng cáo trong bìa sau tập *Nguồn Gốc Mã Lai Á của Dân Tộc Việt* (Sài Gòn: Lá Bối, 1971). Họ Bình chắc chưa biết rằng, các tiếng Nam Dương, Mã Lai và một phần Thái và Cao Miên cùng nằm trong một ngữ tộc Mã Lai gần như tiếng Mỹ, tiếng Úc, tiếng Tân Tây Lan, tiếng Gia Nã Đại (vùng Anh tộc)... đều thuộc ngữ tộc Anh (Anglo-phone). Nói theo họ Bình, thì người Việt chúng ta đều là thiên tài về ngôn ngữ, vì chúng ta có thể *đọc* được tiếng Hà Nội, tiếng Ninh Bình, tiếng Huế, tiếng Sài Gòn, tiếng Vĩnh Long, vân vân.

<sup>3</sup> Hai câu thơ châm biếm giới nho gia thời mặt Nho (đầu thế kỷ 20) tại Việt Nam của Trần Tế Xương.

<sup>4</sup> Phạm Duy, “Việt Nam,” chung khúc trong trường ca *Mẹ Việt Nam* (Sài Gòn: Lá Bối, 1967), tr. 59.

Vươn vai mấy cái rồi ta chui vào!”<sup>5</sup>

Các bạn cũng như tôi sẽ dễ nhận ra cái hậu quả tất yếu là, như một người ‘vô sản,’ ‘vô gia cư,’ tuy ‘đói rã miệng’ vậy mà chúng ta vẫn vừa toác miệng bai bai “em chã, em chã” như cậu ấm con mụ phó Đoan,<sup>6</sup> vừa ngửa tay xin bất cứ một lý thuyết nào một cách rất ư là ‘chuyên chính.’ Chúng ta ngẫu nhiên bất cứ một ý hệ, hay tôn giáo nào, thường với một cách vô ý thức cũng ‘một cách rất chính đáng và hợp lý.’ Dưới thời đô hộ của Tàu, các “đại nho” của chúng ta nhai đi nhai lại kinh, sử, thi... của phương Bắc như con trâu ngoan ngoãn dễ thương của Trần Tiêu. Trí thức của họ nhét đầy cái học vị chương, những vần thơ trống rỗng, tính chất phong kiến, lối tổ chức chính trị hủ bại của người Hán, người nhà Đường, người nhà Minh, và người Mãn Thanh. Để rồi họ hãnh diện ”Văn như Siêu Quát vô tiền Hán; Thi đáo Tùng Thư thất thịnh Đường.”<sup>7</sup> Tới thời Pháp thuộc, giới trí thức của chúng ta chỉ còn ước vọng làm thầy phán, quan đốc, ông tham để “tối rượu sâm banh, sáng sữa bò.”<sup>8</sup> Bây giờ trâu đổi ra bò, song vẫn là loại sinh vật nhai lại. Những con bò biết nói nhai lại những vần thơ của Lamartine, Beaudelaire, Rilke; hót như vẹt những câu sáo ngữ của Victor Hugo; và phun ra hàng loạt văn chương, thơ phú ‘phú lãng sa’ đầy mùi bơ sữa. Đây là điểm cao nhất

<sup>5</sup> Thơ của Bút Tre, một thi sỹ Bắc Hà, lưu truyền tại Hà Nội vào thời cải cách của Nguyễn Văn Linh (1990s).

<sup>6</sup> Một nhân vật trong *Số Đổ* của Vũ Trọng Phụng.

<sup>7</sup> Câu thơ tự tán tụng tài ba của các đại nho Việt như Lê Văn Siêu, Cao Bá Quát, Tuy Lý Vương, Tùng Thiện Vương triều Nguyễn.

<sup>8</sup> Câu thơ mỉa mai giới trí thức theo Tây của Trần Tế Xương.

của trí tuệ của những người ‘an nam mít’ như Nguyễn Văn Vĩnh; đó là ‘vinh dự tối cao’ cho những người ngọng nghịu tiếng Việt như Trần Văn Đôn<sup>9</sup> cũng như những kẻ từng ‘hãnh diện’ học trường Tây, trường đầm, và ‘kiêu hãnh’ về tài năng ‘nói tiếng tây hay hơn tiếng Việt’ của họ. Và đây đúng là sự tủi nhục cho người trí thức Việt:

“Trên ghé bà đầm ngoi đít vịt,

Dưới sân ông cử ngỏng đầu rồng.”<sup>10</sup>

Vào những thế kỷ gần đây, chúng ta cũng không ‘tiến bộ’ được bao, khi giới trí thức ào ạt chạy theo văn hóa Hoa Kỳ, hay văn hóa ngoại lai, coi chúng như là điểm tựa ‘cao nhất của nhân loại.’ Bây giờ chúng ta ‘giỏi’ vì thông thạo tiếng Mỹ, Nga, Tàu... hơn tiếng mẹ đẻ. Bây giờ chúng ta ‘khôn,’ vì thuộc lòng lịch sử, địa lý của Mỹ, của Nga, của Tàu, và quên bẵng lịch sử của mình, cũng chẳng biết mảnh đất chữ S nằm ở đâu. Hồi xưa cha ông chúng ta thuộc lòng *Tứ Thư, Ngũ Kinh*, thì hôm nay chúng ta cũng nằm lòng *Hữu Thử và Hư Vô, Tư Bản Luận*<sup>11</sup> ... Nói tóm lại, cái thước đo lường trí tuệ không còn là chữ nô, lịch sử Việt, hay văn hóa Việt, mà là những tiếng líu lo, sì sồ khó hiểu, lạ

<sup>9</sup> Một tướng lãnh của Đệ nhất Cộng Hòa, tuy vậy mang quốc tịch Pháp. Trần Văn Đôn nổi tiếng vì nói tiếng Việt ngọng nghịu, thích nhẩy đầm và là nhân vật then chốt trong vụ đảo chánh lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm (11. 1963).

<sup>10</sup> Thơ châm biếm của Trần Tế Xương.

<sup>11</sup> Lẽ dĩ nhiên là chúng ta nên học những tác phẩm trên, song không phải vì chúng từ Tàu hay của xã hội chủ nghĩa, hay của Tây, nhưng chính vì chúng là những kinh điển của nhân loại, và là gia sản của mọi dân tộc, y hệt như Thánh Kinh, Kinh Koran, hay các kinh điển của Plato, Aristotle, Dante, Goethe, Shakespeare, *Truyện Kiều*, vân vân.

tai, những tư tưởng lạ hoắc, những trang thư mục kê khai hàng hà sa số các sách ngoại ngữ... trong khi viết về những vấn đề của Việt Nam.<sup>12</sup> Những nguồn liệu sử học

---

<sup>12</sup> Chúng tôi từng được ‘hân hạnh’ đọc nhiều ‘lược án’ do người Việt viết về Việt học, dựa vào những tài liệu của những ông *lang băm tây*, những người mà chỉ sau một chuyến du lịch nước Nam, và không hiểu tí nào về ngôn ngữ, phong tục, tập quán người Việt, đã sản xuất ra những bài viết trường giang đại hải về người Việt, và về văn hóa Việt. Thí dụ hai tập sách của Pietro Gheddo về sự xung đột giữa Công giáo và Phật giáo tại Việt Nam: *Cattolici e Buddhisti nel Vietnam*, (Milano: Valecchi, 1968), và Corrado Pizzinelli, *Vietnam* (Milano: Pan Editrice, 1981). Pizzinelli cho là người Việt khát máu dã man, vì “đi đâu cũng nghe thấy những câu “uống máu ăn thề, hay “giết, giết!” (tr. 136-137). Ông cả quyết: “Io sono sempre rimasto stupito nel constatare con quanta frenesia un Vietnamita parlasse di morte o di “chiet”: cadaveri. Ogni volta che ne parlava ho sentito fluire in loro come una specie di energia o di orgasmo sanguigno, nero come la loro funebre lacca, e negli occhi palpitare una malefica esaltazione....” (tr. 137). Chỉ cần chú ý đến tác giả viết chữ *chết* sai thành “chiet,” rồi giải thích *bậy* là “xác” (cadaveri), chúng ta biết ngay ông là một lang băm chính hiệu. Thế nên việc ông cho người Việt nói đến máu thì đầy nghị lực (energia) và say thú hoan lạc (orgasmo) chỉ là do óc tưởng tượng của ông. Tác giả quên, hay chỉ biết một mà không biết hai: Câu “uống máu ăn thề” phát xuất từ văn hóa Hoa; Giết kẻ thù thì ở đâu, ở xã hội nào, và ngay cả trong tôn giáo nào, mà chả có, nhất là nơi chiến trường. Đấng Yaweh của Do Thái giáo (Cựu Ước), cũng ‘khát máu’ không kém Ngài Allah của Hồi giáo. Các thần thánh trong thế giới Hy Lạp cũng ‘khát máu’ không kém các vị thần ở Phi châu. Ngay tập *Vietnam - A History - The First Complete Account of Vietnam at War* của Stanley Karnow (Viking Press, New York, 1983), tuy ‘bật mí’ khá nhiều ‘thâm cung bí sử,’ và tuy tương đối khách quan, vẫn phạm một số lỗi căn bản về văn hóa Việt, cũng như về tâm lý của người Việt. Thí dụ khi Karnow phân loại các nhà kháng chiến theo phạm trù nhị nguyên của Tây phương, ghép Phan Bội Châu vào “phái bảo hoàng cực đoan”

về Việt học từ Ba Lê, Đông Kinh, Bắc Kinh, Yale, Harvard, Michigan, hay Thư Viện Quốc Hội Mỹ có giá trị ‘gấp bội’ những bài học sống động của người Việt trong xã hội của mình.<sup>13</sup>

---

(radical monarchist), trong khi Phan Chu Trinh thuộc phái “tiến bộ” (progressive element) chủ trương “dân chủ hiện đại” (modern democracy) và từ bỏ quan niệm hoàng tộc (royalism) (sdd., tr. 110), ông quên rằng *người Việt đặt giá trị ái quốc trên trung quân*. Hai cụ họ Phan là những nhà ái quốc, và họ sẵn sàng chấp nhận bất cứ chế độ chính trị nào (dân chủ hay quân chủ) nếu có thể giải phóng đất nước, đem lại no ấm cho nhân dân. Đây là lý do tại sao hai cụ có thể cộng tác chung trong việc cổ động phong trào Đông du; cụ Phan Chu Trinh chấp nhận cộng tác với Cường Để, trong khi cụ Phan Bội Châu chấp nhận lối quân-dân chủ nghị viện (của Nhật và Anh). Chỉ trong mạch văn của tinh thần ái quốc, chúng ta mới có thể hiểu được tâm trạng của Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Trường Tộ, Cao Bá Quát, Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Đồ Chiểu, vân vân.

<sup>13</sup> Chúng ta thấy khá nhiều người ngoại quốc đi sâu vào trong xã hội Việt để nghiên cứu, song giới trí thức chúng ta xem ra chỉ thích mò mẫm các thư viện của họ. Đây là lý do tại sao cho dù không hài lòng với học giả ngoại quốc, chúng ta vẫn phải công nhận là chưa có mấy tác phẩm của học giả Việt có thể cạnh tranh được với bộ *Croyances et pratiques religieuses des Vietnamiens* (Paris: S.E.I., 1958) của Léopold Cadière, hay của các học giả của Viện Viễn Đông Bác Cổ. Hai tập sách *Nguồn Gốc Mã Lai của Dân Tộc Việt Nam* (sdd), cũng như *Lột Trần Việt Ngữ* (Sài Gòn: Nguồn Xưa, 1971) của Bình Nguyên Lộc, đáng tiếc, chỉ là những cốp nhặt những tài liệu về sọ học, ngữ học của Viện Viễn Đông Bác Cổ; mà chép lại một cách hỗn độn, thiếu hệ thống, với những giải thích đầu Ngô mình Sở. Lý do chính của sự thiếu sót nơi các học giả Việt này, đó chính là sự việc chúng ta không được huấn luyện nghiên cứu một cách khoa học về các bộ môn mà chúng ta viết (như Sử, Khảo cổ, Ngữ học, Xã hội học, vân vân). Đa số chúng ta tự mò mẫm nhiều hơn (như trường hợp của Bình Nguyên Lộc, Nguyễn

Trong một tâm thức ‘tha hóa’ như vậy, triết lý được ‘nhập cảng’ một cách ồn ào vào Việt Nam. Những làn gió ‘hiện sinh’ của Jean Paul Sartre, Albert Camus, Martin Heidegger, Friedrich Nietzsche; những mốt tư tưởng ‘tân thời lạ đời’ của Francois Sagan, Simone de Beauvoir; những tâm tư ‘siêu việt’ của Sri Aurobindo, Sarvepalli Radhakrishnan, Daisetz Teitaro Suzuki... thẩm nhập vào não trạng của giới trí thức Sài Gòn để rồi sản xuất ra hàng loạt ‘triết gia’ với những tác phẩm ‘sâu thẳm’ như *Hố Thẳm Tư Tưởng*, *Mặt Trời Không Bao Giờ Mọc*, *Im Lặng Hồ Thẳm...* những ‘kiệt tác’ mà ngay các chuyên gia triết

---

Bạt Tụy, Nguyễn Đăng Thục, Nguyễn Văn Thọ, vân vân). Chúng tôi nhớ lại một ‘triết gia’ trẻ (lúc đó), với những tập sách viết bằng thái độ kênh kiệu và ngôn ngữ kịch cớm in tại Sài Gòn vào cuối thập niên 1960s. Tác giả lập lại những ngôn từ tối tăm của Heidegger, Nietzsche mà ông không hiểu. Anh thích dùng sáo ngữ, tự thổi phồng cho mình không những tương đương đối thoại với những nhà tư tưởng vĩ đại này, mà còn tự cho mình là người phát minh những tư tưởng mới lạ chưa ai từng khám phá trước, và đòi vớt Plato, Descartes, Kant, Heidegger... vào sọt rác (trong tập *Ý Thức Mới trong Văn Nghệ và Triết Học*). Rồi nhà trí thức này trích hàng loạt ngoại ngữ như Đức ngữ, Hy Lạp, Phạn ngữ... Tiếc là ngay chỉ có chép lại mà vẫn còn *chép sai!* Tuy ‘thần phục’ sự ‘cố gắng’ của anh, chúng tôi cũng hơi lo. Một khi thiếu một phương pháp và tinh thần khoa học, một khi chỉ biết cóp nhặt, các bài viết sẽ thiếu nghiêm túc, và chúng ta dễ dàng võ đoán. Chúng tôi cũng nhớ lại một vị giáo sư triết học, từng là khoa trưởng tại Sài Gòn, với những tác phẩm bất chước (một cách vô ý thức) từ nội dung tới ngôn ngữ của Sartre. Sau năm 1975, ông ‘thú tội’ (và đổ tội - một cách oan uổng - cho một số giáo sư bạn hữu) đã lấy triết học hiện sinh làm công cụ phục vụ ‘đế quốc Mỹ’ phá hoại văn hóa Việt. Những bài viết như vậy không đóng góp được chi vào việc khai quật cũng như phát triển kho tàng văn hóa Việt.

học nặn óc cũng không thể hiểu. Tương tự như các nhà trí thức tại Thượng Hải và Bắc Kinh,<sup>14</sup> chúng ta cũng tôn thờ Mao Trạch-Đông, Ivan Vladimir Lenin, Josif Stalin như là những tư tưởng ‘vĩ đại’ nhất của nhân loại, mà các ‘đại thi hào’ được lệnh thờ lạy hơn cha hơn mẹ họ.<sup>15</sup> Khi đã khá mệt mỏi với những câu thơ văn trống rỗng, chúng ta lại đổ xô vào những tư tưởng ‘sâu xa’ khác, với những đại luận về các kinh điển Bhagavad-gitas, Upanisads, Vedas, Sutras, vân vân, với những câu sao lại Phạm ngữ, Pali mà ngay những người viết cũng chép sai vì không hiểu, và không phân biệt nổi.<sup>16</sup> Chúng ta hành hương tân Tây Trúc,<sup>17</sup> song

---

<sup>14</sup> Như thấy trong Cách Mạng Văn Hóa Trung Hoa (1966-1976). Các nhà trí thức Tàu đã góp tay vào việc thần hóa họ Mao vào những năm 1960. Xin xem John King Fairbank, *China, A New History* (Cambridge: Harvard University Press, 1992), tr. 405. Các nhà văn hóa lập lại những chỉ thị của Tứ nhân bang, nhất là Giang Thanh. Họ cúi đầu chấp nhận sự trực tiếp kiểm soát sinh hoạt văn hóa của nhóm Giang Thanh, Vương Hồng Vân. Xin tham khảo thêm Hong Yung Lee (Lý Hồng Vĩnh), *The Politics of the Chinese Cultural Revolution: A Case Study* (California: U. of California Press, 1978), và William A. Joseph, Christine P.W. Wong, and David Zweig, *New Perspectives on the Cultural Revolution* (Council of East Asian Study, Harvard University, 1991), cũng như Immanuel C.Y. Hsu, *The Rise of Modern China* (Hongkong: Oxford University Press, 1983), tr. 691-710.

<sup>15</sup> Thơ của Tố Hữu, một nhà thơ có biệt tài về nghệ thuật nịnh hót các lãnh tụ của những đế quốc từng ngồi trên đầu trên cổ nước Việt như Tàu, Nga. Ông khóc thương Lenin, phụng thờ họ Mao, tôn vinh thần tượng khát máu Stalin: “Con đầu lòng tên đặt Xít Ta Lin,” vân vân.

<sup>16</sup> Dương Ngọc Dũng phê bình một số tác giả trong nhóm Giao Điểm. Xin xem Dương Ngọc Dũng, *Nhận Định các Trí Thức Phật Giáo trong nhóm Giao Điểm Hoa Kỳ* (Cambridge, 1996), tr. 128, 142-143.

quên rằng chúng ta vẫn còn tha hương cầu thực. Chúng ta vẫn chưa nhận ra được giá trị căn bản của *quê*, của *hương*, và chúng ta giống như người *dị hương* của Camus,<sup>18</sup> tự cảm thấy lạc loài trong chính lòng đất của mình. Đến bao giờ chúng ta mới thấm nhuần được câu ca dao sâu sắc “Ta về ta tắm ao ta; Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn?”<sup>19</sup> Đến bao giờ chúng ta mới thấm thía được câu kết luận rất ư là triết lý “Phú ông xin đổi năm sôi, Bờm cười” mà chúng ta từng thuộc lòng từ thời thơ ấu?<sup>20</sup>

Không cần phải nói, chúng ta đã nhận ra, đây là một tình trạng *tha hóa*, càng ngày càng vong thân, đánh mất hẳn tự thức của tộc, của dòng, của giống. Y hết như tai họa rơi vào bãi cát lầy, chúng ta (bao gồm tác giả bài viết này) đương sa lầy lún chìm xuống vực sâu của *thất thức* (tức mất ý thức, khác với vô thức và vô vi của Lão Trương, và

<sup>17</sup> Hoàng Sỹ Quý, “Hành Hương Tây Trúc Mới,” trong *Phương Đông*, số 6 (1971), tr. 483-489; số 12, (1972), tr. 467-471); số 14 (1972), tr. 126-132.

<sup>18</sup> Albert Camus, *L'Etranger* (Paris: Gallimard, 1957).

<sup>19</sup> Chữ *quê hương* của ta hay hơn *cố hương* của Tần. *Quê* (có lẽ) đọc trại từ “Quy.” Quy tức trở về, như quy nguyên, quy y, quy thuận, quy thiên, quy tiên, quy hóa, vân vân. Ta thấy nghĩa chữ *quê* này trong *quê quán*, *quê nội*, *quê ngoại*, *quê người*, *quê xa đất người*... *Quê hương* do đó có nghĩa là “trở về nơi chôn rau cắt rốn,” tức trở lại cái bản chất, bản thể với bản tính Việt của mình. Chữ *nhà quê*, *quê mùa*, có lẽ phát xuất từ thời bắt đầu có thành thị. Người Pháp không hiểu, giải thích chữ *quê* như là “paysan,” “moins civilisé,” vân vân. Trong tự điển *Larousse*, chúng ta thấy chữ “le nhaque,” “la congai,” “gai nhaque” giải thích theo nghĩa trên.

<sup>20</sup> Đinh Văn Trung, “Thằng Bờm trong Tâm Lý của người Nông Dân,” trong *Đông Phương* (1971).

của Thiên đạo), trong khi vẫn ảo tưởng là chúng ta như “con chim phượng hoàng thoát khỏi tro bụi, bay bổng vào trong bầu trời sáng lạn.”<sup>21</sup>

---

<sup>21</sup> Danh ngôn của triết gia G. F. W. Hegel trong *Die Phänomenologie des Geistes* (1807). Dựa theo bản của H. Michel và E. Moldenhauer (Surhkamp, Frankfurt, 1968). Bản Việt ngữ do chúng tôi dịch sẽ xuất bản trong năm tới. Lời Dẫn nhập.

## 2. BẢN CHẤT CỦA VĂN HÓA

Chúng ta biết, văn hóa không được “tạo dựng” trong một ngày, hay do một người, hay bởi một triều đại. Chúng ta cũng ý thức được rằng văn hóa không chỉ biểu tượng một thời đại, một lịch sử; càng không chỉ đại diện một thế hệ, một chế độ, hay một ý hệ, hay bất cứ một tôn giáo nào. Văn hóa là sự *kết tinh* (crystallization), *chọn lọc* (selection), và *tụ thăng* (Aufhebung)<sup>22</sup> của các thế sinh, được *lưu truyền* (tradited) và *cải biến* (transformed). Do đó, văn hóa tự biểu lộ *trong, qua, và bởi* tất cả mọi sinh hoạt của con người, từ nghệ thuật tới khoa học, từ kinh tế tới chính trị, từ kỹ thuật tới tư duy. Như là một sự kết tinh, văn hóa nói lên cộng thể của dân tộc. Như là sự chọn lọc, văn hóa tự hình thành qua phương thế sống, qua lối luận lý chung, qua những quy luật đạo đức, qua trật tự được cộng đồng chấp nhận và tuân theo. Như là một tụ thăng, văn hóa phản ánh sự thăng tiến, tổng hợp và thích hợp của thế sinh hiện tại với những thế sinh ngoại tại, mới mẻ, đương và sẽ tới.

---

<sup>22</sup> *Tụ thăng* dịch từ thuật ngữ *Aufhebung* của Hegel. *Aufhebung* bao gồm ba nghĩa khác biệt - xác định (affirmatio), phủ định (negatio), và thăng tiến (sublimatio) - song kết hợp thành một từ ngữ để biểu tả một lịch trình tiến hóa biện chứng mà chúng tôi gọi là tụ-thăng hay (hội tụ và thăng tiến). Nhà bác học Teilhard de Chardin cũng dùng tam-ngôn nhất-ngữ *quy-tụ-thăng* (convergence-divergence-émergence) để diễn tả lịch trình tiến hóa của vũ trụ qua ba giai đoạn quy nạp hội tụ (convergence), tách biệt (divergence), và thăng tiến (émergence). Xin xem Teilhard de Chardin, *Le phénomène humain* (Paris, 1955) và *Le milieu divin* (Paris, 1957).

Hiểu theo nghĩa này, văn hóa Việt của chúng ta biểu tả cái *cộng thể* (common structure) của xã hội Việt; nói lên *cộng tính* (common nature) của dân Việt; diễn đạt *cộng cảm* (common sense) của người Việt; và phản ảnh lối *cộng lý* (common reasoning) tức lối suy tư, luận lý chung của chúng ta, trong khi đi tìm *công ích, công lợi* (common interests) của dân tộc. Cộng thể, cộng tính, cộng cảm, cộng lý và công lợi này lẽ dĩ nhiên mang tính chất phổ quát nơi người Việt; và như thế tách biệt khỏi đặc tính của các dân tộc khác.

Nhưng nói như thế, chúng ta rất có thể vấp vào cái lối “bế môn tỏa cảng” của cha ông chúng ta, với nhãn quan thiển cận và cái tâm địa hẹp hòi của con ếch ngồi dưới đáy giếng “luận thiên hạ sự.” Chúng ta có lẽ chưa nhận ra rằng văn hóa của chúng ta cũng có những tính chất chung của nhân loại, rằng chính nhờ vào sự giao tiếp với các thế sinh khác, mà văn hóa Việt mới *viễn việt* (transcendence), mới tự thăng biến thành phong phú. Một cách cụ thể, chính vì giao tiếp với văn hóa Hoa-An, với nền văn minh Âu-Mỹ và với các tôn giáo trên thế giới, đặc biệt là Phật giáo và Ki-tô giáo, mà văn hóa Việt mang một tính chất vừa đa tạp, vừa tổng hợp của giá trị của các nền văn hóa và văn minh trên. Thế nên, chúng ta phải công nhận là văn hóa Việt bao gồm hai phần chính, và một phần phụ: phần chính thứ nhất mang tính chất cá biệt chỉ thấy nơi dân Việt; phần chính thứ hai, chung với mọi dân tộc, mọi văn hóa; trong khi phần phụ là những tổng hợp gần đây về tổ chức, giáo dục, văn vân. Bộ phận cá biệt của văn hóa Việt thấy trong cách sống, trong ngôn ngữ, phong tục, trong nghệ thuật, luân

thường đạo lý, và trong tôn giáo. Bộ phận chung cho toàn nhân loại liên quan tới tri thức, phương pháp, kỹ thuật, kinh tế, y học, văn vân. Phần phụ thuộc dễ dàng biến dạng, thay đổi, trong khi phần chính chỉ có thể biến đổi trong một thời gian lâu dài, và không dễ dàng gì. Phần chính bảo tồn Việt tính, song phần phụ tiếp thu đặc tính của các nền văn hóa khác mà nhờ vào Việt tính chúng ta Việt hóa.

Trong mạch văn này, chúng ta cũng phải chấp nhận là, bất cứ nền văn hóa nào đều tự hình thành trong một quá trình lâu dài bằng cách tổng hợp một cách biện chứng (dialectical transcendence) các kinh nghiệm đương sống với những kinh nghiệm đã sống (truyền thống). Hành động tổng hợp biện chứng này được hướng dẫn bởi một niềm hy vọng có thể giải quyết được khát vọng và ước vọng của con người trong tương lai.<sup>23</sup> Tổng hợp biện chứng cụ thể trong việc con người sửa kinh nghiệm, làm giàu kinh nghiệm, hệ thống kinh nghiệm, và thăng hóa chúng thành bằng giá trị nhân sinh, để có thể giải quyết hay tránh những vấn nạn đã từng xảy ra trước, và có thể sẽ phát hiện về sau. Một tiến trình như vậy chính là lịch trình hình thành văn hóa theo đúng nghĩa *nhân văn hóa thành*.<sup>24</sup> Nói cách khác, chính qua sự sửa đổi tự đời này tới đời khác, mà chúng ta càng ngày càng *tốt*, càng *đẹp*, càng *thật*, và càng

---

<sup>23</sup> Xin xem Trần Văn Đoàn, "The Dialectic of Tradition and Modernity" (The World Congress of Philosophy, Moscow, 1993), in trong *Philosophical Review* 17 (1994), sđd. tr. 129-162.

<sup>24</sup> Quan niệm thấy trong *Kinh Dịch*. Xin xem Thẩm Thanh Tùng, *Truyền Thống Tái Sinh*, (Đài Bắc 1995). Bản dịch Việt ngữ do Nguyễn Tài Thư (đương sửa soạn xuất bản tại Hà Nội), phần Dẫn Nhập.

*nhân* hơn. Cái tốt (thiện), cái đẹp (mỹ), cái thật (chân, tri thức) và cái nhân (đạo thánh nhân, quân tử) của mỗi thể sinh là những biểu tượng của nền văn hóa của thể sinh này. Trong một mạch văn trên, chỉ khi nhận ra được cái chân, thiện, mỹ và đạo thánh nhân trong thể sinh của người Việt, chúng ta mới có thể tự nhận ra giá trị cao quý của nền văn hóa của mình, cũng như nhìn ra giá trị nơi các nền văn hóa khác.<sup>25</sup> Nói tóm lại, nếu mỗi nền văn hóa là một sự biểu hiện của một thể sinh của một dân tộc, và bất cứ nền văn hóa nào cũng sinh động một cách biện chứng và siêu việt qua những quá trình lịch sử (processes of history), thì lịch trình này luôn được cái đạo, hay con đường chỉ cho chúng ta cội nguồn, hiện thế cũng như tương lai của chúng ta vậy.<sup>26</sup> Đó chính là cái đạo, hay tinh thần, của lịch sử Việt tộc vậy (the logic of Viet-history).

---

<sup>25</sup> Thường thức hơi vị của bát phở Hà thành vào mùa lạnh (Thạch Lam, *Hà Nội Ba Sáu Phố Phường*), chiêm ngưỡng cái thanh tao, mỹ lệ của chiếc áo dài, thơ mộng với sự tao nhã “gió đưa cành trúc la đà” bên dòng sông Hương, nghe “tiếng chuông Thiên Mụ,” rung lời hợp với thiên nhiên “trăng mờ, trời mơ trong cảnh thực huyền mơ” (Hàn Mặc Tử) để ngâm “cỏ cây chen lá, đá chen hoa” (Huyện Thanh Quan). Đây nói lên cái mỹ, cái “cảm” của người Việt mà biết bao nghệ sỹ đã diễn tả trong các tác phẩm của họ.

<sup>26</sup> Luận đề lịch sử của Hegel trong hai tác phẩm chính, *Die Phänomenologie des Geistes* (1807), và *Vorlesungen über die Philosophie der Geschichte* (1822-23), trong G.W.F. Hegel, *Werke in zwanzig Bänden*, tập 3, và tập 12 (Frankfurt: Suhrkamp, 1968, 1969).

### 3. VIỆT TRIẾT

Cái đạo, hay con đường, hay tinh thần của Việt tộc này chính là Việt triết. Triết học do đó là một môn học suy tầm bản chất của văn hóa; là một hệ thống của những đặc tính của dân tộc; và là phản tỉnh về cả tiến trình hình thành của văn hóa; cũng như một lối tư duy cho tới cội nguồn về những vấn nạn, và những nguyên lý để giải quyết chúng. Hiểu như vậy, Việt triết là một sự đeo đuổi sự khôn ngoan (φίλο-σοφία) của Việt tộc và của nhân loại theo đúng nguyên nghĩa của triết học tự thời Thales. Và hơn thế nữa, Việt triết là sự truy nguyên, cũng như truy tầm những giải đáp tối hậu cho những vấn nạn của người Việt và của nhân loại. Do đó, nó không tách biệt khỏi truyền thống triết lý Đông phương coi triết lý như sự học quan trọng nhắm đến “tu thân, tề gia, trị quốc và bình thiên hạ” như thấy trong *Đại học*.<sup>27</sup>

Việt triết do vậy bao gồm nhiều lãnh vực trực tiếp hay gián tiếp liên quan tới thế sinh Việt, tới cội nguồn của người Việt, tới tinh thần Việt, tới lối tư duy của dân Việt, tới cách biểu hiện chung của họ, tới những cảm sâu, thẩm mỹ, cách sống, cách hưởng thụ... của họ. Lẽ dĩ nhiên, Việt triết đặc biệt chú ý tới những vấn nạn mà chúng ta đã, đang, và sẽ gặp trong tương lai; cũng như sự nỗ lực truy tầm nguyên lý, nguyên tắc và phương thế để giải quyết chúng. Nói một cách khác, Việt triết bao gồm Việt linh (Viet-spirit), Việt đạo (Viet-logos), Việt lý (Viet-logic), Việt thế hay thế sinh Việt (Viet-world, Viet-life-world), Việt hồn (Viet-soul), Việt văn (Viet-

---

<sup>27</sup> *Đại học*, chương chính văn 1: “Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại thân dân, tại chí ư chí thiện...”

literature), **Việt kỹ** (Viet technique), **Việt cảm** (Viet-sense), **Việt tính** (Viet-nature, hay, the transcendence-force of the Viet), vân vân.<sup>28</sup>

Hiểu Việt triết như thế, chúng ta sẽ nhận ra một cách dễ dàng sự tương quan bất khả phân ly của triết học và văn hóa. Và như vậy, nhiệm vụ của bất cứ nhà văn hóa nào cũng gồm tóm trong những trọng điểm sau: (1) truy nguyên, khai quật, (2) diễn đạt, và (3) phát triển văn hóa. Tiếp theo, chúng tôi xin mạn phép đi sâu hơn một chút vào những lãnh vực trên.

---

<sup>28</sup> Xin tham khảo, Trần Văn Đoàn, *The Idea of a Viet-Philosophy* (Washington D.C.: The Council for Research in Values and Philosophy, 2000). Trong tập sách có tính cách giới thiệu cho học giả ngoại quốc, và với mục đích đưa Việt triết vào trong quỹ đạo thế giới này, chúng tôi diễn dịch các quan niệm căn bản của Việt triết như Việt linh, Việt đạo, Việt hồn, Việt lý, Việt hóa, Việt tính, vân vân. Chúng tôi cũng có đong Việt triết trong bài “Việt Nam Triết Học” in trong *Trung Quốc Triết Học Đại Từ Thư*, tập 5 (Đài Bắc: Phụ Nhân Đại Học xb, 2001) (Hoa ngữ).

#### 4. TRUY NGUYÊN VĂN HÓA

Trong tác phẩm *Việt Lý Tố Nguyên*, Kim Định tự đặt ra một chương trình xây dựng Việt triết.<sup>29</sup> Theo tiên sinh, công việc cấp bách nhất vẫn là công việc truy tầm cái đạo lý uyên nguyên của Việt tộc thấy trong văn hóa cổ của chúng ta như nhân thoại, thần thoại. Cái đạo lý uyên nguyên này chính là Việt hồn mà chúng ta “đã đánh mất” từ thời Bắc thuộc, mà cho tới nay vẫn chưa tìm lại được.<sup>30</sup> Không hẳn đồng ý với Lương tiên sinh, chúng tôi thiết nghĩ, Việt hồn cũng như Việt đạo chưa bao giờ mất. Chúng bị biến hóa, biến dạng, và bị dồn ép vào trong chiều sâu tâm linh của con người Việt mà thôi. Một khi chúng ta có thể phá đổ các điều kiện ngoại tại và nội tại khiến Việt linh *dị hóa*, hay tự khép kín, hay bị đè nén, Việt hồn, Việt đạo sẽ tái hiện. Đây là một luận đề chúng tôi áp dụng từ triết học của hai đại triết gia Nietzsche và Heidegger.<sup>31</sup> Đây cũng là một luận đề từng thấy trong tư tưởng của Karl Marx, khi nhà bác học này chủ trương một cuộc cách mạng thực tiễn phá bỏ tất cả mọi điều kiện khiến con người bị tha hóa (objectified), dị hóa (alienated) và vật hóa

<sup>29</sup> Kim Định, *Việt Lý Tố Nguyên* (Sài Gòn: An Tiêm, 1970), Lời nói đầu.

<sup>30</sup> Kim Định, *Kinh Hùng Khải Triết* (San Jose: Thanh Niên Quốc Gia, không có niên ký), chương về nhân thoại Thần Kim Quy, tr. 210- 217.

<sup>31</sup> Friedrich Nietzsche, *Zur Genealogie der Moral* (1887-8); Martin Heidegger, *Zur Seinsfrage* (Pfullingen: Neske, 1965).

(reified).<sup>32</sup> Và đây cũng là một luận đề mà nhà phân tâm học Sigmund Freud đề xướng. Theo các nhà bác học trên, bản chất chân thực của con người, tức nhân tính, chỉ có thể tái lập hay tái hiện nếu những điều kiện phi nhân bị loại bỏ. Theo một phương thức như họ, chúng tôi thiết nghĩ, khai quật văn hóa Việt đòi phải truy nguyên Việt linh; nhưng để có thể khai quật Việt linh, chúng ta trước hết phải tìm ra nguyên nhân, các điều kiện cũng như lối suy tư gây trở ngại khiến chúng ta không thể phát hiện Việt linh. Và quan trọng hơn nữa, chúng ta phải đi tìm kiếm những giải đáp cho những vấn nạn, những giải đáp thấy trong thế sinh của chúng ta (Việt thể), qua lối suy tư của người Việt (Việt lý), và phát tự tâm tình của mình (Việt cảm) cũng như tác động bởi chính ý lực của dân Việt (Việt hồn).

### *On Cố*

Thoạt tiên, công cuộc phát quật Việt linh đã được nhiều nhân sỹ ý thức tới. Phong trào trở về nguồn đương được các học giả tại hải ngoại như Vũ Đình Trác (Việt Nho), Nguyễn Tự Cường (Việt Phật), các học giả tại Việt Nam tại Viện Hán Nôm, Viện Sử Học, và Viện Triết Học, và một số giáo sư tại hai đại học quốc gia Hà Nội và Sài Gòn (Trần Đình Hượu, Phan Đại Doãn, Trần Ngọc Thêm) phát động, xúc tiến một cách rất khả quan.<sup>33</sup> Chỉ có một điều đáng tiếc là chúng ta bắt đầu quá muộn, và chạy lạch bạch

<sup>32</sup> Karl Marx, *Pariser Manuskript* (1844) và *Kritik der politischen Ökonomie* (1856).

<sup>33</sup> Xin xem chương 1, phần Dẫn Nhập. Trong phần này, chúng tôi đã nhắc sơ qua về các tác phẩm của các nhân sỹ trên.

theo các học giả ngoại quốc. Sự khám phá trống đồng tại Đông Sơn, Hòa Bình; sự tìm hiểu nguồn gốc của Việt tộc, cũng như sự truy tầm lịch trình phát hiện của ngữ học Việt, cũng như của các sắc tộc khác; sự việc đi vào chiều sâu của các huyền thoại và nhân thoại, tất cả đều rất quan trọng, đã được các học giả ngoại quốc, nhất là Pháp, nghiên cứu và đi một bước khá xa trước chúng ta. Không ai có thể hoài nghi chúng là những chất liệu rất quan trọng giúp chúng ta truy tìm Việt linh, Việt lý, Việt đạo... Song điểm đáng nói là, những kết quả khảo cổ, nhân chủng trên vẫn chỉ là những giả thuyết, những bước dò dẫm.<sup>34</sup> Do đó, chúng ta bắt buộc phải tiếp tục khuyến khích các nhà khoa học xã hội và nhân văn phát triển và đào sâu vào những lãnh vực như khảo cổ, ngữ học, lịch sử, văn hóa... Bởi vì, nếu thiếu những chất liệu trung thực, công việc suy tư, giải thích sẽ lệch lạc, và chắc chắn sẽ ảnh hưởng tới sự phát triển của văn hóa Việt.

---

<sup>34</sup> Phải thực tâm nhìn nhận những công trình của các học giả ngoại quốc. Tuy thế, chúng ta không được phép mù quáng chấp nhận những kết luận của họ. Thí dụ trong bộ *Croyances et Pratiques religieuses des Vietnamiens*, L. Cadière hiểu và giải thích các hiện tượng tôn giáo Việt theo lăng kính của tôn giáo tây phương, y hệt như Paul Mus (*La Sociologie d'une guerre*) dựa vào lối nhìn duy lý từ thời Ánh Sáng (l'age des lumières) và dựa theo ý hệ duy thực (positivisme) của Auguste Comte để giải thích tâm tình, cách sống của người Việt. Chúng tôi đã phê bình lối nhìn “đơn diện” (one-dimensional) này trong hai bài “Mạt Thế Luận trong Ca Dao Tục Ngữ,” và “Sinh Tử trong Nho Giáo,” in trong *Thời Điểm, Tập San Nghiên Cứu Văn Học, Triết Học và Thần Học Việt Nam* (Orange County 2000). Sửa lại và sẽ in trong *Việt Triết Luận Tập*, Hạ Tập (The University Press of Vietnam, 2001).

### ***Ôn Cố Nhi Tri Tân***

Một điểm quan trọng mà chúng ta thường ít chú ý, đó là công việc truy nguyên không phải chỉ là sự hoài cổ, hay hạn hẹp vào việc tăng thêm sự hiểu biết về cái quá khứ của mình. Nếu truy nguyên chỉ có một mục đích duy nhất là biết về mình, một sự hiểu biết như vậy không mang lại lợi ích là bao. Cái lợi nhỏ bé và hạn hẹp trong bốn bức tường của học viện không giúp chúng ta biết được những kiến thức mới lạ, nhất là những kiến thức trực tiếp với cuộc sống hiện đại. Song để có thể biết những điều mới, công cuộc ôn cố bắt buộc phải được tiến hành theo một phương pháp và hệ thống khoa học. Trước hết, chúng ta phải xác định mục đích của công việc ôn cố không phải chỉ hoài cổ, hay để biết cái chi mới lạ. Mục đích quan trọng nhất của ôn cố là tìm ra những vấn nạn “trường cửu” của dân Việt; là để học hỏi cách giải quyết vấn đề của cha ông chúng ta; để sửa đổi kiến thức cũng như phương pháp cũ hầu có thể đáp ứng, giải quyết những vấn nạn đương thời và cả mai sau. Thứ tới, phương pháp ôn cố không chỉ đào bới, nhưng còn phân tích, hệ thống hóa, và nhất là tìm ra luật tương quan giữa tri thức và cuộc sống, giữa những vấn nạn trong quá khứ và những vấn nạn hiện nay, giữa cách thế giải quyết vấn đề của cha ông chúng ta và phương thế hiện đại. Nói cách khác, để có thể giải quyết vấn đề một cách hiệu lực, chúng ta phải biết, cũng như cải tiến phương cách cũ.

### *Ôn Cố, Tri Tân, Tri Hành Hiệp Nhất*

Nói như vậy, ôn cố không thể tri tân, mà tri tân cũng không thể “tri hành hiệp nhất” nếu chúng ta thiếu mục tiêu và phương thế khoa học. Nói một cách khác, công cuộc truy nguyên chỉ có ý nghĩa chính đáng bởi vì nó là một công việc thiết yếu trong giai đoạn đầu của tiến trình xây dựng và phát triển văn hóa nước nhà. Giai đoạn tiếp theo của ôn cố, tri tân chính là tri hành. Mà để tri hành, chúng ta không thể dừng lại ở công việc ôn cố, mà còn phải xúc tiến nghiên cứu xã hội và con người hiện đại với tất cả những vấn nạn từ kinh tế, tới tôn giáo, từ khoa học tới chính trị, từ triết học tới đạo đức, từ tâm lý tới nghệ thuật, vân vân. Chỉ có như thế, chúng ta mới có thể “ngóc đầu lên”<sup>35</sup> hát bài “quê hương ngạo nghễ;” chúng ta mới hy vọng “Việt Nam quê hương đất nước sáng ngời.”<sup>36</sup>

---

<sup>35</sup> Trần Cao Tường, “Chúng ta phải làm cái gì cho Việt Nam chứ.”  
Điểu văn Kim Định, (Carthage, Missouri, 3. 1997).

<sup>36</sup> Phạm Duy, Trường Ca Mẹ Việt Nam, chung khúc, bđd.

## 5. DIỄN TẢ VĂN HÓA

Trong phần này, chúng tôi xin được bàn một cách ngắn gọn. Thay vào đi sâu vào nội dung của các lối diễn tả văn hóa, chúng tôi chỉ phớt qua vài điểm của phương pháp diễn đạt, và đưa ra một vài đề nghị cụ thể.

Thứ nhất, diễn đạt văn hóa đòi hỏi một phương pháp giải thích đúng đắn, có tính cách khách quan, cũng như hợp lý. Tiếp đến, chúng ta phải chuyển nghĩa để những người khác ngôn ngữ, xã hội, tập tục, hay ngay giữa người Việt song khác thời đại... có thể hiểu, thấm nhập; và sau cùng, chúng ta phải quảng diễn vào trong chính thế sinh của chúng ta. Nói một cách khác, diễn tả văn hóa Việt bao gồm ba phần chính: *giải thích* (bao gồm diễn tả (ars explanandi) và diễn đạt (ars explicandi), *chuyển nghĩa* (ars interpretandi) và *thông diễn*<sup>37</sup> (hermeneutics theo nghĩa của Heidegger và Gadamer, còn được người Tàu dịch là

---

<sup>37</sup> Tiếng thông diễn (dịch từ Hermeneutics) từng được Hoàng Sỹ Quý và nhất là Lê Tôn Nghiêm (*Heidegger trước Sự Phá Sản của Tư Tưởng Tây Phương*, Sài Gòn: Lá Bối, 1970) sử dụng, và được Vũ Kim Chính đưa vào trong bộ *Từ điển Thần học Tín Lý* (Đài Bắc: Quang Khải xb, 1997). Hermeneutics cũng được dịch là chuyên thích luận hay chuyên thích học. Để có một cái nhìn đại quát về thông diễn, xin tham khảo: Hans-Georg Gadamer, *Wahrheit und Method - Grundzüge einer philosophischen Hermeneutik* (Tübingen: Mohr, 1960); Paul Ricoeur, *The Conflict of Interpretation: Essays in Hermeneutics*. Bản dịch của Don Ihde (Evanston: Northwestern University Press, 1974); Richard Palmer, *Hermeneutics* (Evanston: Northwestern University Press, 1969); Karl Otto Apel, chb., *Hermeneutik und Ideologiekritik* (Frankfurt: Suhrkamp, 1973).

chuyên thích học). Nơi đây chúng tôi chỉ xin nói tóm tắt phương pháp thông diễn theo hai triết gia Heidegger và Hans-Georg Gadamer mà thôi.

Có những văn bản (texte) mà một lối giải thích thông thường dựa theo ngữ học, lịch sử, khảo cổ (exegesis) không thể phát huy công năng được. Thí dụ những đoạn văn mâu thuẫn, tối tăm và thiếu cả lịch sử thực chứng như thấy trong *Đạo Đức Kinh*. Để hiểu văn bản này, Gadamer theo Heidegger đề nghị: (1) phát hiện những điều tác giả muốn nói mà không giám nói (tương tự như thuyết phân tâm (psycho-analysis) và tâm bệnh (psycho-pathology) của Sigmund Freud). Đây là phép thông diễn chiều sâu (hermeneutics in depth), khơi quật tiềm thức đưa lên bình diện của ý thức. (2) Dựa vào văn bản để tiến xa hơn, đi tìm ra những ý nghĩa mới. Đây là phép thông diễn sáng tạo (creative hermeneutics) mà Heidegger đặc biệt phát triển.<sup>38</sup>

Theo lối thông diễn, chúng tôi thiết nghĩ, diễn đạt văn hóa không chỉ theo lối sử học, khảo cổ và ngữ học mà thôi, mà còn phải tiếp tục phát hiện những bí ẩn, cũng như tiếp nối công việc sáng tạo của tiền nhân để lại.

---

<sup>38</sup> Như thấy trong các tác phẩm: Martin Heidegger, *Sein und Zeit* (Marburg, 1927); và *Vom Wesen der Wahrheit*, (Pfullingen: Neske, 1957). Bản Việt ngữ của chúng tôi sẽ xuất bản trong tương lai rất gần; Hans-Georg Gadamer, *Wahrheit und Method* (Tübingen: Mohr, 1960).

## **6. PHÁT TRIỂN VĂN HÓA**

Như chúng tôi đã nhận mạnh trong phần trên, công việc truy nguyên không được phép dừng lại ở công dụng thông tin, hay ôn cố, hay tri tân, mà còn ở việc khám phá ra những vấn nạn mới, và tìm ra những phương thế để giải quyết chúng. Để có thể đạt tới mục đích này, chúng ta có lẽ phải trải qua những giai đoạn, áp dụng những phương pháp cá biệt vào những công việc như sau:

### **6.1. Công Việc Tổng Hợp**

Công việc tổng hợp đòi hỏi những điều kiện căn bản như: (1) một sự am tường về cả hai nền văn hóa Đông Tây, nhất là về nền văn hóa Việt; (2) một hay những phương pháp khoa học, có thể phát hiện cái đạo, hay luận lý (logic), hay luật (law) của các dữ kiện, giữa những lối suy tư cá biệt của các thời đại, của các đạo giáo, giữa các lối giải quyết khác biệt của các dân tộc; (3) có một viễn tượng sâu xa về vận mệnh của dân tộc và của nhân loại.

Những điều kiện trên là những điều kiện căn bản, nhưng tiếc thay, ít có ai có thể hội đủ chúng. Tuy rằng Khổng Tử, Aristotle, Thomas Aquinas tương đối thành công, song chúng ta đừng quên rằng, một tổng hợp vào thời đại của các ngài dễ dàng hơn thời chúng ta rất nhiều. Các đại triết gia này không cần am tường các nền văn hóa Đông Tây, càng không cần phải chú ý đến những lý thuyết khoa học tiến bộ như vào thời đại của chúng ta. Những đại

tài như Hegel, Max Weber đã từng thất bại,<sup>39</sup> không phải vì trí óc họ thua kém các tiền nhân, song vì thời đại của họ đòi hỏi quán thông mọi sự, mọi ngôn ngữ, mọi nền văn hóa mà không ai có thể có đủ. Ý thức được những khó khăn của thời đại hiện thời, chúng tôi thiết nghĩ rằng, bất cứ một tổng hợp nào cũng chỉ có thể mang tính chất tạm thời, hay một giả thuyết mà thôi. Song cho dù tạm thời, hay chỉ là một giả thuyết, chúng ta cũng cần phải có sự cộng tác của rất nhiều chuyên gia, học giả trong mọi lãnh vực, đặc biệt sử học, khảo cổ học, tâm lý học, ngữ học, kinh tế học cũng như văn học. Nói cách khác, để có thể tổng hợp, chúng ta cần phải phân công, học hỏi và thảo luận. “Một con én không làm lên mùa xuân” không chỉ là một câu phương ngôn, mà còn là bài học quý báu cho bất cứ ai muốn xây dựng nền văn hóa, nhất là triết học nước nhà. Nhận định như thế, chúng tôi thiết nghĩ, công việc tổng hợp đòi hỏi một cộng hoạt (team work) của các chuyên gia liên quan tới Việt triết.

---

<sup>39</sup> Nhất là khi hai nhà bác học này viết về các tôn giáo Đông phương. Vì không hiểu ngôn ngữ, hay văn hóa, hay những điều kiện lịch sử, kinh tế, chính trị, khoa học, họ phải dựa theo những bản phiên dịch hay những tài liệu của các học giả hay các nhà truyền giáo. Mà đa số các tài liệu này có tính cách “một chiều,” thiếu khách quan. Xin xem Max Weber, *The Religion of China: Confucianism and Taoism*, do Hans H. Gerth dịch (1951); *The Religion of India, The Hindu Social System* do Hans H. Gerth, và Don Martindale dịch (1950), và *The Sociology of Religion*, do Ephraim Fischhoff dịch (Boston: Beacon, 1963), cũng như Hegel, *Enzyklopädie der philosophischen Wissenschaften* (1817), sđd., trong *Werke in zwanzig Bänden*, sđd., tập. 8 và 9.

## 6.2. Công Việc Quảng Bá

Trong một thế giới bao la, nhất là khi người Việt của chúng ta rải rác khắp tứ phương thiên hạ, công việc nghiên cứu không thể hạn hẹp hay khép kín. Chúng ta càng không được phép ngơ ngãng vai trò của viễn thông. Do đó, cùng một lúc với việc phát động phong trào nghiên cứu, chúng ta cũng nên phát động công việc quảng bá. Làm sao để cho mọi người nhìn ra vai trò quan trọng của văn hóa chiều sâu; làm sao để cho thế giới biết đến con người Việt, tư tưởng Việt, nghệ thuật Việt, vãn vãn. Làm sao để mỗi người Việt có thể hãnh diện về văn hóa của mình.

Để được như vậy, công việc dịch thuật các tác phẩm về văn hóa Việt sang ngoại ngữ cũng quan trọng không kém công việc trước tác bằng ngoại ngữ. Tiếc thay, về phương diện triết học và tôn giáo, chỉ thấy người ngoại quốc, nhưng ít thấy người Việt chúng ta viết.<sup>40</sup> Như chúng tôi đã nhận định, mặc dù sách của họ có vẻ đồ sộ, hàn lâm, song đại đa số viết về Việt Nam từ nhãn quan, hay từ một ý hệ nào đó của họ. Lẽ đương nhiên, không phải chúng ta không

---

<sup>40</sup> Đa số các tác phẩm về văn hóa, tôn giáo Việt là những luận án tại các đại học Âu châu. Một số luận án cũng đã gây được sự chú ý của người Pháp, thí dụ hai luận án tiến sỹ quốc gia Pháp của Linh mục Lê Văn Lý (*Le parler vietnamien*), và của linh mục Đinh Văn Trung (*La Psychologie du paysan vietnamien*) đệ trình tại đại học Paris. Một số tác phẩm viết bằng Pháp ngữ của Lê Thành Khôi, Nguyễn Khắc Viện... tiếc thay chỉ có tính cách giới thiệu, thiếu nghiên cứu, và thiếu chiều sâu. Một số luận án tiến sỹ về tôn giáo Việt của một số vị linh mục tại viện Giáo Hoàng Đại Học Urbano, Roma, không được để ý tới vì không có những khám phá mới lạ. Đa số dựa theo tài liệu của Bộ Truyền giáo, hay của các tác giả ngoại quốc như Paul Cadière.

có nhân tài, hay chưa hội đủ khả năng viết bằng ngoại ngữ. Chúng ta có khả năng, song chỉ không được khuyến khích mà thôi. Có lẽ, một phần vì cái thói quen ghen tương vật nơi giới trí thức nhà, một phần vì tự ty mặc cảm, hoặc quá tự tôn,<sup>41</sup> chúng ta không coi trọng người Việt của mình. Bụt nhà không thiêng là vậy.<sup>42</sup>

---

<sup>41</sup> Thí dụ, các bạn trong nhóm Giao Điểm không thèm đối thoại với các học giả công giáo Việt. Họ viết một quyển sách khá dày *trực tiếp đối thoại* với Giáo chủ Gioan-Phaolô II. Song họ lại viết bằng Việt ngữ. Tôi mạn nghĩ, chắc Giáo chủ khó có dịp để *thấy* đừng nói đến *đọc* tập sách này. Làm sao Giáo chủ đọc được tiếng Việt để đối thoại với họ, bởi lẽ ngài chưa bao giờ học tiếng Việt? Trong tập sách này, y sỹ Nguyễn Văn Thọ mạnh miệng coi nền triết Âu Mỹ thiếu sót, kém cỏi. Ông quảng cáo triết lý và khoa học của ông siêu việt, vượt xa nền triết học Tây phương. Làm sao mà các triết gia Âu Mỹ hay Tàu biết được là tư tưởng của họ “ấu trĩ” nếu họ không có “vinh dự” được đọc tác phẩm của Nguyễn tiên sinh? Chúng tôi rất mong rằng quý vị viết lại bằng Anh hay Pháp ngữ, để Giáo chủ Gioan-Phaolô II có thể “học” từ các vị (Gioan-Phaolô II thông thạo trên 12 thứ tiếng). Và như vậy, thế giới mới có “hân hạnh” tiếp thu một nền “tư tưởng sâu xa” của các đại triết gia như y sỹ Nguyễn Văn Thọ.

<sup>42</sup> Thực ra, chúng ta cũng đã có những triết gia, thần học gia được giới thần học, triết gia của các nước khác như Mỹ, Pháp, Trung Hoa, Đức... chú trọng. Thí dụ Trần Đức Thảo với tác phẩm *Phénoménologie et matérialisme dialectique* (Paris: Minh Tân, 1951), Vũ Kim Chính với *Giải Phóng Thần Học* (Đài Bắc: Quang Khải xb, 1991), Phan Đình Cho với tác phẩm *Mission and Catechesis* (New York: Orbis, 1998), vân vân. Riêng về Trần Đức Thảo, đã có khá nhiều tác giả ngoại quốc viết hay bàn tới. Cám cảnh thay, chúng tôi vẫn chưa thấy người Việt nào viết luận án về người Việt! Chúng tôi có gợi ý này với một vài giáo sư tại Hà Nội, Sài Gòn, và sẵn sàng trợ cấp nếu họ viết luận án về Trần Đức Thảo, hay Kim Định, song chỉ được họ từ chối một cách rất lịch sự. Riêng tại hải ngoại, kẻ khen, người chê Kim Định rất nhiều, song vẫn

Thêm vào công việc giới thiệu tư tưởng Việt cho cộng đồng hàn lâm thế giới, chúng ta cũng cần phải kiểm nghiệm (test, verify) những lý thuyết của chúng ta. Đi vào trong quỹ đạo thế giới là một tiến trình bắt buộc nếu muốn có tiến bộ. Tổ chức các hội nghị (conferences), hội thảo (symposia), hội học (seminars) hay hội đối (colloquia) có tính chất quốc tế về Việt học (Việt triết, tôn giáo Việt, nghệ thuật Việt, văn vân), với mục đích không chỉ giới thiệu, quảng bá, mà còn học hỏi cũng như kiểm nghiệm những lý thuyết của chúng ta.

---

chưa thấy một tác phẩm hay luận án nào chuyên nghiên cứu, phê bình Kim Định. Trong tạp chí *Đối Thoại* in tại Garden Grove (Số 3, tháng 7, năm 1994), có một bài về Trần Đức Thảo do Nguyễn Văn Trung viết (“Đôi điều ghi nhận về ông Trần Đức Thảo”, tr. 105-118). Tiếc thay, ông Trung viết bài này với một mục đích mạt sát cá nhân họ Trần hơn là nghiên cứu tư tưởng của Giáo sư Trần Đức Thảo.

## 7. NHỮNG ĐỀ NGHỊ CỤ THỂ

Ý thức được tính chất bao la của biển học; nhận thức được những khó khăn, cũng như hữu hạn tính của mỗi người, chúng tôi thiết nghĩ, chỉ có thể đạt được mục đích nếu chúng ta biết ngồi chung, góp sức nghiên cứu những lãnh vực liên quan tới văn hóa dân tộc.

Tiến sỹ Vũ Đình Trác từng nghĩ rằng, khai quật văn hóa Việt phải bắt đầu với công việc đào bới kho tàng Việt nho, bao gồm kinh bộ, tử bộ, thi bộ và văn bộ. Do đó, tiên sinh đề nghị những điểm sau:

- Chuẩn bị cho các luận án triết học Việt Nam ra đời, “bằng cách hướng dẫn cho các thế hệ đang lên trở về với văn hóa dân tộc và dẫn thân vào con đường phục hồi, khai thác và phát huy văn hóa đặc trưng của chúng ta.”
- “Tìm tòi và thu góp những tài liệu về văn hóa Việt Nam đã bị mất mát” trong quá khứ.
- Thành lập nhóm học giả đủ khả năng hướng dẫn các luận án về Việt Nam, cách riêng Việt triết.
- Dịch thuật, xuất bản các tác phẩm về Việt học từ Việt ngữ sang các ngoại ngữ khác, cũng như các tác phẩm ngoại ngữ có giá trị sang Việt ngữ.<sup>43</sup>

Chúng tôi nhất trí với Hán Chương tiên sinh, và đi xa hơn, đề nghị một cách cụ thể như sau:

Trong một tình trạng khó khăn hiện tại, cả từ phía quốc nội lẫn quốc ngoại, cả về vấn đề nhân lực lẫn tài lực, cả về sự tranh chấp ý hệ lẫn lịch sử hiềm khích chính trị, tôn

---

<sup>43</sup> Xin xem Vũ Đình Trác, *Việt Nam trong Quĩ Đạo Thế Giới* (Orange: Liên Đoàn Công Giáo Hoa Kỳ, 1985), tr. 78.

giáo, vân vân, chúng ta khó có thể trông đợi một Viện Nghiên Cứu Việt Nam (Academia Vietnamica) tại hải ngoại giống như Académie Française (Hàn Lâm Viện Pháp), hay đại quy mô như Viện Nghiên Cứu Trung Ương Trung Hoa (Academia Sinica), Viện Nghiên Cứu Max Planck Đức Quốc (Max-Planck Institut), Trung Tâm Nghiên Cứu Quốc Gia Pháp, Viện Nghiên Cứu Khoa Học, và Viện Nghiên Cứu Khoa Học Xã Hội tại các nước theo hệ thống của Nga và Trung Hoa, vân vân.<sup>44</sup> Thế nên, chúng ta không thể chờ đợi, mà phải bắt tay ngay vào công việc xây dựng Việt học cũng như phát triển nền văn hóa Việt của chúng ta. Để hiệu nghiệm hóa công việc nghiên cứu theo tinh thần khách quan và khoa học, không bị các lực lượng chính trị hay tôn giáo chi phối, chúng ta nên thành lập các nhóm, hay tổ nghiên cứu về những lãnh vực mà chúng ta chuyên môn. Trong tương lai, các tổ nghiên cứu có thể cộng tác và tiến hành thiết lập viện nghiên cứu. Như chúng tôi biết, không kể về những lãnh vực khoa học, chúng ta có khá đủ nhân tài. Lẽ dĩ nhiên, trong lãnh vực khoa học xã hội và nhân văn, có lẽ trong nước chúng ta có nhiều nhân tài hơn. Tuy thế, những học giả thuộc các đại học trước 1975 vẫn có thể đóng góp những kiến thức quý báu của họ, bằng cách tham gia các tổ nghiên cứu tại hải ngoại và công bố kết quả của công trình nghiên cứu mà

---

<sup>44</sup> Tại quốc nội, hiện chúng ta có hai Trung Tâm Nghiên cứu do Nhà Nước thành lập: *Trung Tâm Khoa Học*, và *Trung Tâm Khoa Học Xã Hội Nhân Văn* tại Hà Nội, với phân viện tại Tph. Hồ Chí Minh. Đã có khá nhiều tác phẩm nghiên cứu công phu của hai viện trên. Chúng tôi đặc biệt chú ý đến Viện Hán Nôm, Viện Sử Học, và Viện Triết Học.

quý vị đeo đuổi bao năm.<sup>45</sup> Vì không chuyên về khoa học, và ở trong phạm vi hạn hẹp cũng như tri thức giới hạn của chúng tôi, người viết xin đề nghị thành lập các tổ nghiên cứu và phiên dịch liên quan tới khoa học nhân văn. Về các lãnh vực khoa học xã hội, và khoa học tự nhiên, chúng tôi ước mong được các chuyên gia góp ý kiến.

### ***7.1. Thành lập các Tổ Nghiên Cứu***

- Việt Nho
- Tôn Giáo Việt (ngoài các tôn giáo chính, đạo Ông Bà, đạo Dân Gian, đạo Cao Đài, Hòa Hảo...)
- Ngữ học Việt
- Nghệ thuật Việt
- Khoa học, Kỹ thuật Việt<sup>46</sup>
- Việt sử
- Việt văn (văn chương bác học, văn chương bình dân...)
- Luân lý, Đạo đức, Luật pháp, vân vân.

### ***7.2. Thành lập các Tổ Phiên Dịch***

---

<sup>45</sup> Thí dụ các cựu giáo sư của các đại học Sài Gòn, Đà Lạt, Minh Đức, Vạn Hạnh, Huế... chuyên về Hán Nôm như Lê Hữu Mục, về Ngữ học như Nguyễn Đình Hòa, về Địa chất học như Thái Công Tụng, vân vân.

<sup>46</sup> Tại *Viện Nghiên Cứu Trung Ương Trung Hoa* (Academia Sinica), các nhà lịch sử, khoa học, triết học... cộng tác biên soạn những tài liệu liên quan tới khoa học (toán học, thiên văn, vân vân) của Trung Hoa thời xưa. Trước đây, bộ sách của Giáo sư Joseph Needham, *Science and Civilization in China*, 12 vols., (Cambridge: Cambridge University Press, 1947 -1986) đã gây được một tiếng vang rất mạnh nơi cộng đồng khoa học và văn hóa.

Công việc phiên dịch rất quan trọng, không những cung cấp cho chúng ta những tri thức, dữ kiện, tài liệu mới, hay cũ (mà chúng ta chưa biết), mà còn như một động lực thúc đẩy ép buộc chúng ta phải cạnh tranh với các dân tộc, quốc gia khác. “Biết người, biết ta” không chỉ để “trăm trận trăm thắng,” mà quan trọng hơn, là để quốc gia, dân tộc có thể sống còn. Trong quá khứ, chúng ta không mấy chú ý tới việc phiên dịch vì có lẽ chưa nhận ra tầm quan trọng của nó. Chúng ta chắc không chú ý tới sự kiện nước Nhật, họ đã đánh bại hạm đội của Nga (1905) chỉ sau công cuộc canh tân quãng 50 năm. Họ xâm lược Trung Hoa, chiếm được cả vùng Đại Á, không phải vì “thiên tài xâm lăng,” song vì họ có một kiến thức sâu rộng về các nước khác, qua công việc phiên dịch. Chúng ta có thể nói không quá “ngoại” là chưa thấy một nước nào chú trọng tới phiên dịch hơn Nhật.<sup>47</sup>

Chính vì ít chú trọng đến phiên dịch, chúng ta không có chương trình phiên dịch, hay hệ thống phiên dịch.<sup>48</sup> Thế

---

<sup>47</sup> Theo Giáo sư Megumi Sakabe, nguyên Viện trưởng Đại học Văn Khoa, Đại Học Đông Kinh, thì bất cứ một quyển sách có giá trị nào, chỉ sau ba tháng, người ta đã thấy bản Nhật ngữ bày bán trên thị trường. Xin xem Megumi Sakabe, “Hiện tượng Dịch Thuật tại Nhật,” Bài Báo cáo Khoa học, *Đông Kinh Đại Học Thủ Thư Viện Học Báo*, 152 (1987). Riêng tại thư viện Đại học Đông Kinh, tàng trữ trên 3 triệu sách hay tài liệu phiên dịch. Chú ý là thư viện đại học này được coi như là một trong những thư viện lớn nhất trên thế giới

<sup>48</sup> Tại các nước tiên tiến, thường có những cơ quan chuyên về dịch thuật. Riêng tại Đài Loan, có *Biên Dịch Quán* thuộc Bộ Giáo Dục, có ngân sách khá lớn, lo dịch cũng như trợ cấp các giáo sư, chuyên gia dịch các sách quan trọng. Tại Nhật, các đại học quốc gia, các nhà xuất

nên, mỗi người dịch mỗi ngã, mạnh ai ai chạy. Lại nữa, các tác phẩm kinh điển không mấy ai giám dịch, vì khó, và không dễ tiêu thụ. Mà nếu có dịch thì cũng không đến nơi đến chốn.<sup>49</sup> Đa số đồ sộ dịch những tập sách “ba xu” để kiếm tiền, hay theo mốt. Nhận thức như thế, chúng tôi đề nghị, chúng ta nên lấy giờ rảnh tập trung vào công việc phiên dịch các kinh điển.

- *Kinh Điển Việt*

Các tác phẩm của các danh sỹ như Trần Nhân Tông, Vạn Hạnh, Nguyễn Trãi, Lê Quý Đôn, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, vân vân, từ Hán, hay Nôm sang Việt ngữ.

- *Kinh Điển Tây phương* (Hy Lạp, Trung cổ, Cận đại, Hiện đại).

bản lớn rất chú trọng trong dịch kinh điển. Tại Trung Hoa, các dịch giả ăn lương giáo sư, cả đời chỉ dịch một vài quyển sách mà thôi. Có lẽ người Tàu quá nhiều nhân tài, hay vì xã hội chủ nghĩa “giàu có” nên mới phí phạm như thế?

<sup>49</sup> Tại Sài Gòn, đã có một thời có một vài dịch phẩm triết học về Heidegger, Nietzsche, Sartre, Lévi-Strauss, Descartes, Jaspers, Bergson, vân vân. Có vài bản dịch khá nghiêm túc, như của Trần Thái Đĩnh (*Những Suy Niệm Siêu Hình Học* của Descartes, Sài Gòn: Đại Nam, 1962), Lê Tôn Nghiêm (*Triết Học Nhập Môn* của Jaspers, Sài Gòn, 1967), Cao Văn Luận (hai tác phẩm của Henri Bergson)... Nhưng nói cách chung, đa số các dịch phẩm khác, chưa đúng tiêu chuẩn. Tại Việt Nam hiện nay, các học giả đã bắt đầu chú ý tới công việc dịch thuật. Khi thấy chúng tôi phiên dịch tập sách *Die Phänomenologie des Geistes* của Hegel, Giáo sư Lê Hữu Tầng, Phó Giám Đốc Trung Tâm Khoa Học Xã Hội Quốc Gia, đã tỏ ra ngạc nhiên và thích thú, và cho biết ông cũng đã từng có ý định như vậy.

Thí dụ: *Republics, Timaios...* của Plato, *Metaphysics, Nichomachean Ethics* của Aristotle, *De Civitate Dei* của Augustin, *Summa contra Gentiles, Summa theologica* của Thomas Aquinas, cũng như các tác phẩm của Descartes, Locke, Hume, Berkeley, Leibniz, Pascal, Spinoza, Kant, Hegel, Fichte, Schelling, Nietzsche, Kierkegaard... Hiện đại như Heidegger, Wittgenstein, Gadamer, Habermas, Popper, Rawls, Rahner, Foucault, vân vân.<sup>50</sup>

- *Kinh Điển Đông phương* (Trung Hoa, Ấn Độ, Nhật, vân vân)

Thí dụ: Các tác phẩm quan trọng của Trung Hoa<sup>51</sup> (một số tác phẩm từ thời Lương Khải Siêu, Khương Hữu Vi tới nay), Ấn Độ (Các kinh Gita, Vedas...), Nhật, vân vân.

### 7.3. Thành Lập Nhà Xuất Bản

Công việc thành lập một nhà xuất bản chuyên in các sách nghiên cứu thường rất khó khăn, vì không có tính chất thương mại. Đa số các nhà xuất bản nghiên cứu được các đại học, hay các cơ quan quốc gia, quốc tế tài trợ mới có thể sống.<sup>52</sup> Do đó, nhà xuất bản nghiên cứu cần phải được

---

<sup>50</sup> Riêng toàn bộ tác phẩm của Karl Marx và Friedrich Engels đã được Trung Tâm Khoa Học Xã Hội Việt Nam dịch sang Việt ngữ.

<sup>51</sup> Đa số các tác phẩm quan trọng của Trung Hoa đã được chuyển dịch sang Hán Việt, song thiếu hệ thống. Sự chú giải thường phiên nhiều về từ ngôn, song thiếu chiều sâu (phần triết lý).

<sup>52</sup> Các đại học nổi tiếng thường có nhà xuất bản riêng. Các đại học Oxford, Cambridge, Paris, Harvard, MIT, Notre Dame... đều có Oxford University Press, Presse universitaires de France, Cambridge University Press, Harvard University Press, MIT Press, Notre Dame University Press, vân vân. Riêng ở Á và Úc châu, các đại học như Tokyo, Kyoto,

sự hỗ trợ của những Mạnh Thường Quân tha thiết với văn hóa Việt, và được sự cộng tác của các học giả Việt tại cả quốc nội lẫn quốc ngoại.

#### ***7.4. Thành Lập Viện Nghiên Cứu***

Việc thành lập viện nghiên cứu chỉ có thể khi chúng ta đã có các tổ nghiên cứu.<sup>53</sup> Trong giai đoạn hiện đại, khi mà chúng ta chưa có Hàn Lâm Viện, cũng chưa có Viện Nghiên Cứu Trung Ương, các viện nghiên cứu có thể quy tụ nhiều tổ nghiên cứu, phát huy công năng, cũng như cổ võ nhân tài, và gây dựng một thế hệ trẻ tiếp nối công việc nghiên cứu và giáo dục này. Các viện nghiên cứu có thể do các tôn giáo, các đoàn thể quy tụ, triệu tập và điều hành. Điểm quan trọng đáng phải để ý, đó là chúng ta không được phép lơ là nghiên cứu và tinh thần khoa học. Một khi

---

National Taiwan University, Peking University, University of Hongkong, National Singapore University, Seoul National University... (được công nhận là những đại học danh tiếng nhất của Á châu và Úc châu) cũng đều có nhà xuất bản riêng. Ý thức được sự quan trọng, năm 1999, cùng với Giáo sư Phan Đình Cho và các thân hữu, chúng tôi chủ trương *Nhà Xuất Bản Đại Học Việt Nam* (The University Press of Vietnam), bất chấp những khó khăn tài chính cũng như sự chống đối của một số người khác quan điểm.

<sup>53</sup> Năm 1998, cùng với Giáo sư Phan Đình Cho, chúng tôi đã tiến hành thiết lập *Viện Nghiên Cứu Triết Học và Tôn Giáo Việt Nam*, bao gồm 4 tổ nghiên cứu: Triết học Việt Nam (Trần Văn Đoàn phụ trách), Tôn giáo và Thần học Việt Nam (Phan Đình Cho và Vũ Kim Chính phụ trách), Phật học Việt Nam (Như Hạnh Nguyễn Tự Cường phụ trách), và Văn hóa Việt Nam. Nhóm chúng tôi cũng chủ trương Tập san nghiên cứu về Triết, Tôn giáo và Văn hóa Việt với tên *Tập San Nghiên Cứu Triết Học và Tôn Giáo Việt Nam*.

không có tính cách khách quan, thái độ khoa học, nhân quan khoan rộng và tâm tình khoan dung, cũng như tinh thần hợp tác, các viện nghiên cứu sẽ biến thành các “ổ kháng chiến,” hay “pháo đài” đi tấn công các nền văn hóa, tôn giáo, ý hệ khác biệt mà thôi.

# CHƯƠNG III

## PHẢN TƯ VỀ NHỮNG CHIỀU HƯỚNG TRIẾT HỌC HIỆN ĐẠI

### TIỀN NGÔN

Trong chương này, chúng tôi tóm lược chiều hướng của các nền triết học hiện đại, mục đích không phải để giới thiệu, song để minh xác một cách gián tiếp sự hiện hữu của một nền Việt triết. Như chúng tôi sẽ trình bày sau đây, triết học không tự hạn hẹp vào một lối nhìn, một phương pháp hay một nền siêu hình, hoặc một nguyên lý nào đó.<sup>1</sup> Triết học càng không đồng nghĩa với bất cứ ý hệ (ideology) nào; cũng không nhắm bảo vệ một chế độ, một tổ chức, một truyền thống, một tập quyền, một tôn giáo hay một giá trị nào.<sup>2</sup> Ngoài ra, công năng của triết học cũng không phải chỉ hạn hẹp vào một công năng cố định,

---

<sup>1</sup> Martin Heidegger, *Was ist das, die Philosophie?* (Pfullingen: Neske, 1956), bản dịch Việt ngữ của Trần Văn Đoàn, đương sửa soạn xuất bản, tr. 1: "Với câu hỏi này chúng ta đang động tới một luận đề rất rộng lớn, nghĩa là rất bao quát. Chính bởi vì luận đề quá rộng, nên không thể định nghĩa được."

<sup>2</sup> Chúng tôi đã nhắc qua một số ngộ nhận về triết học trong chương thứ nhất, và cũng lập lại phần nào trong chương thứ bảy khi bàn đến khả thể của một nền Việt triết.